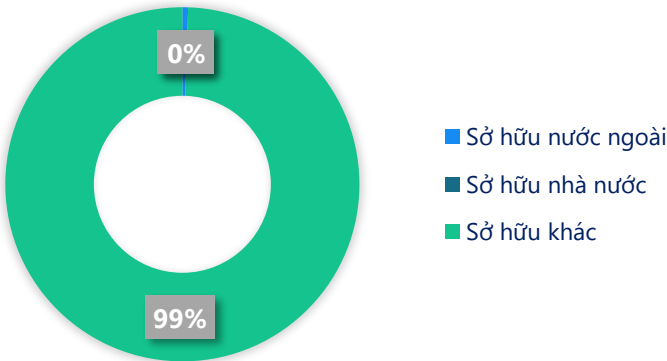


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,400
SL cổ phiếu LH		42,617,632
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,985
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		379
P/E		3796.8
EPS		2

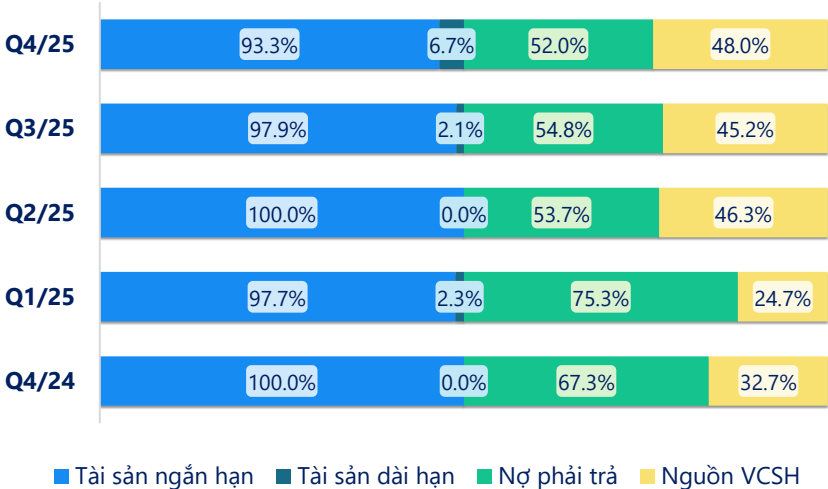
	YTD	1T	3T	6T
UNI	11.3%	0.0%	-18.3%	4.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu sở hữu



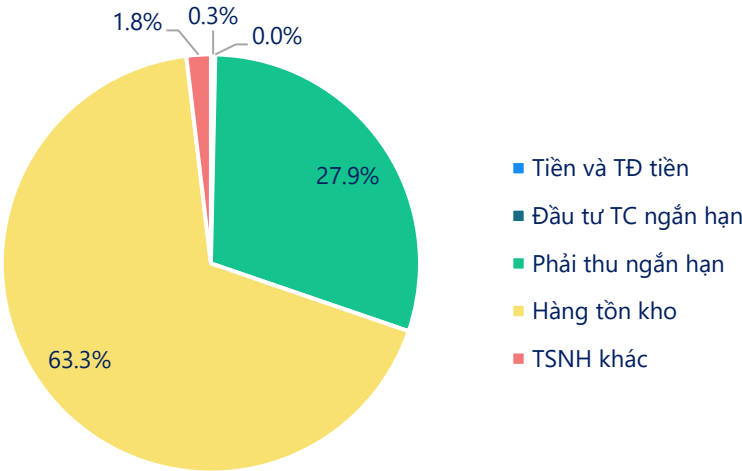
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

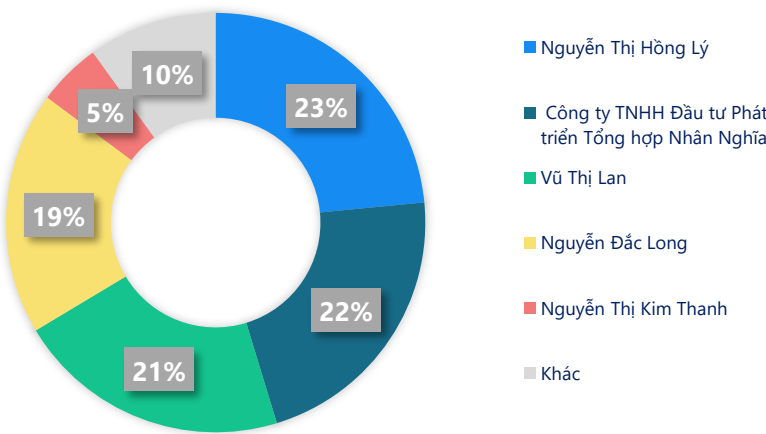
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

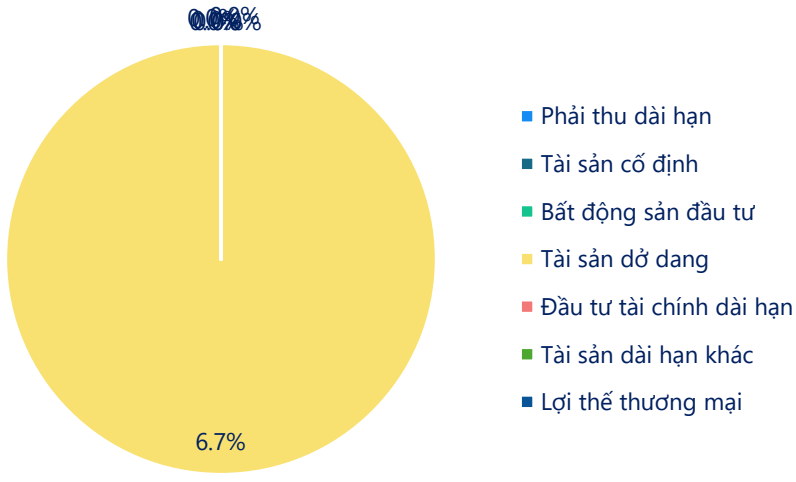
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



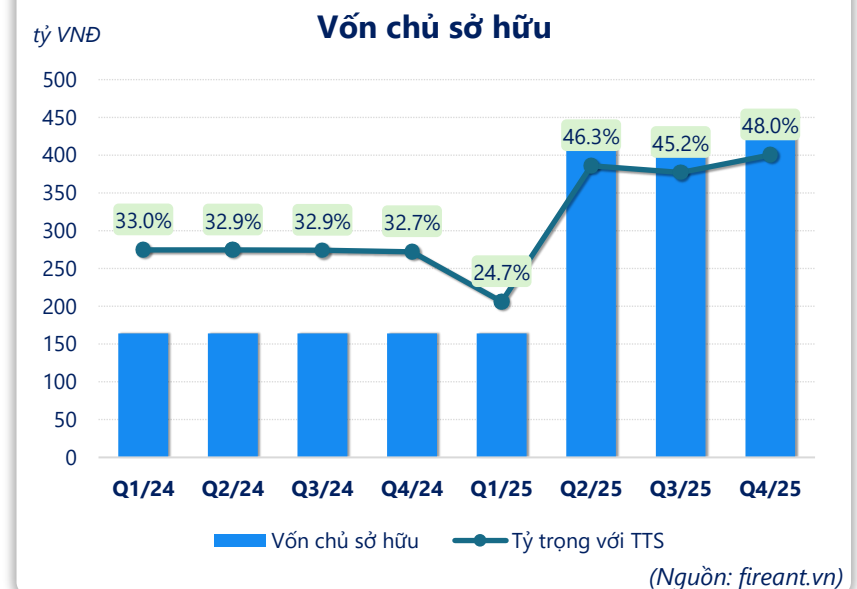
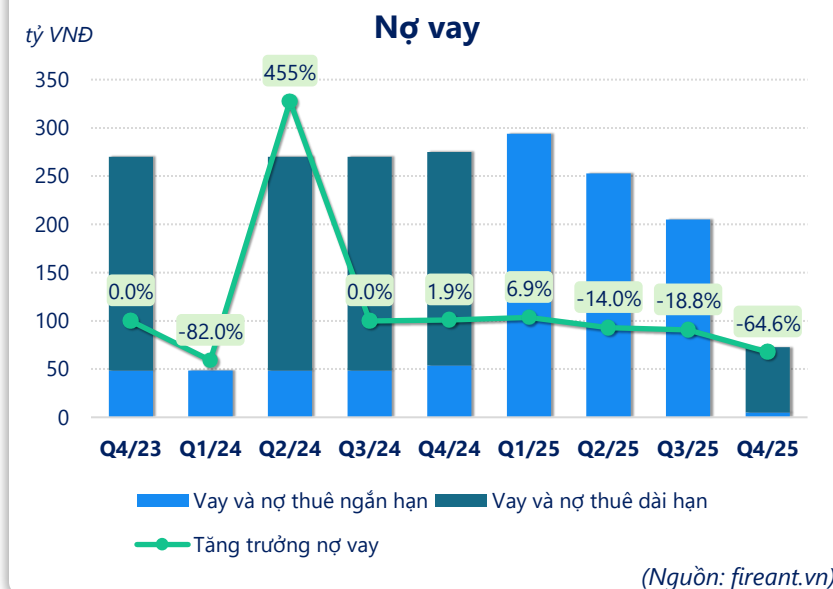
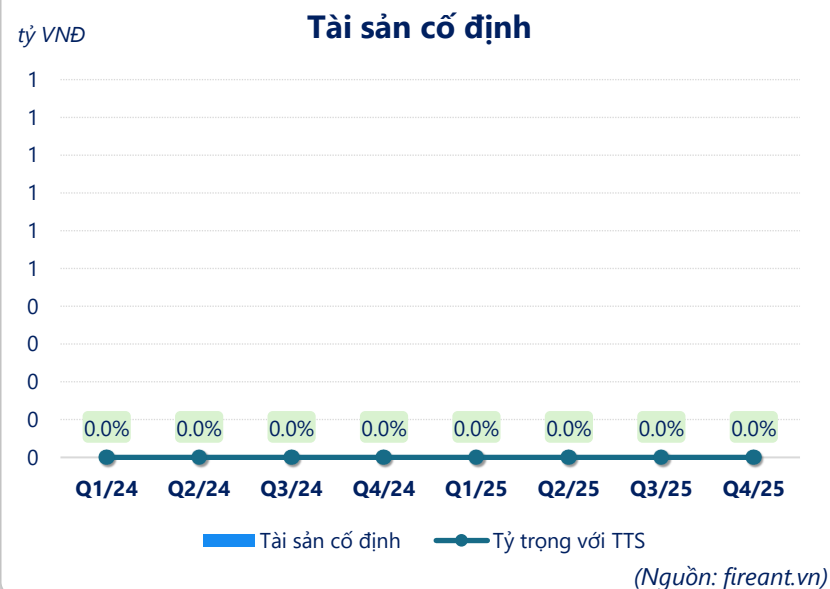
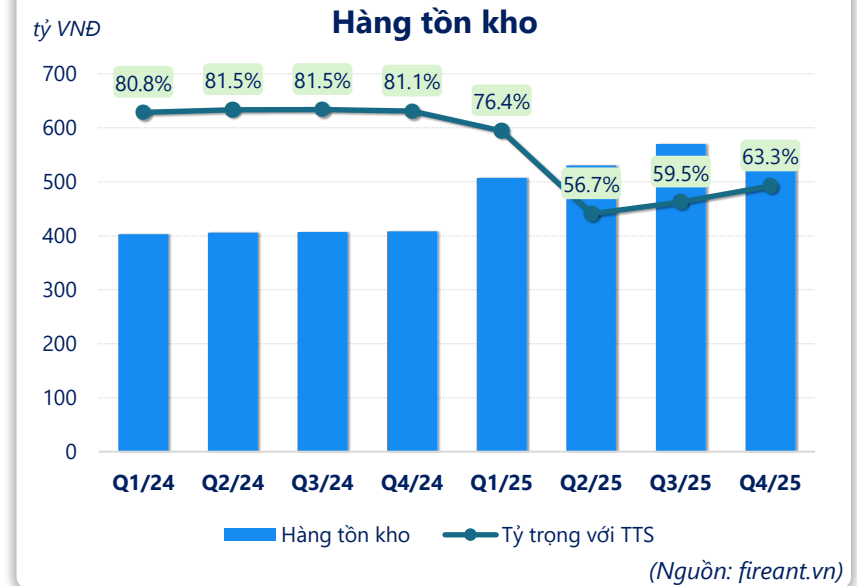
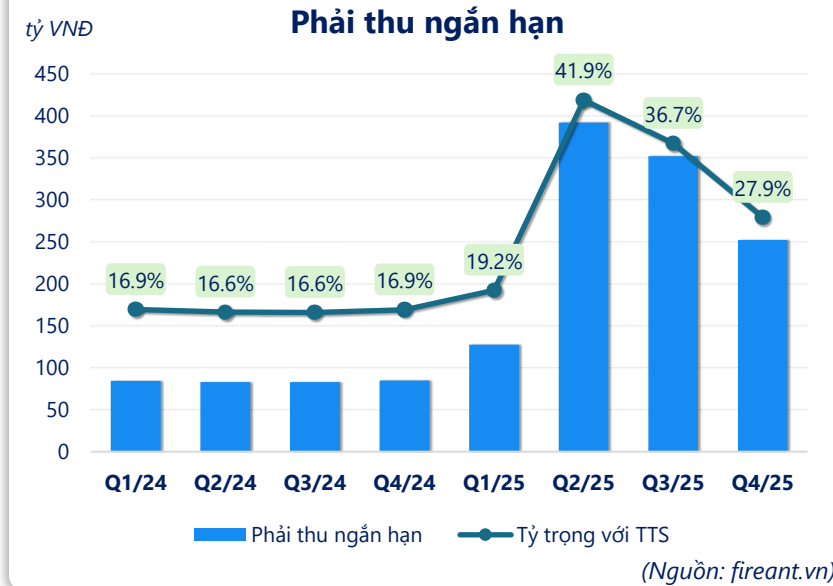
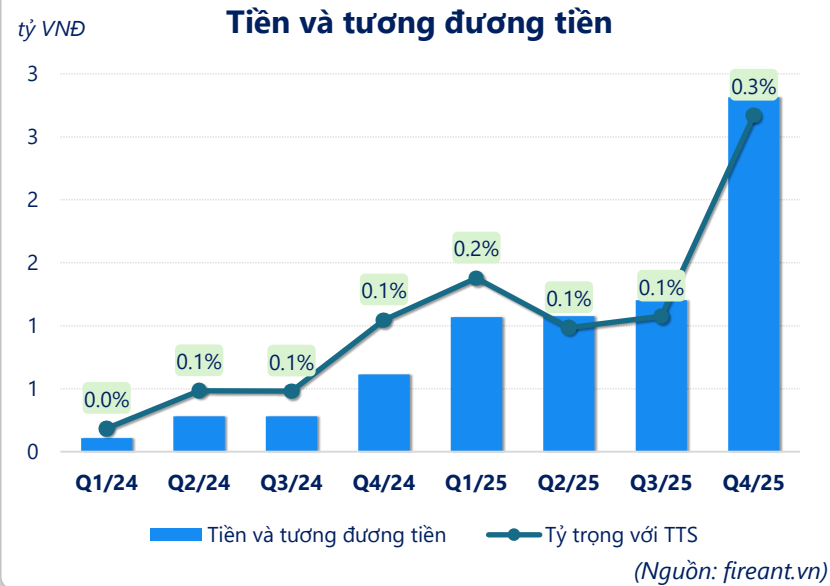
(Nguồn: fireant.vn)

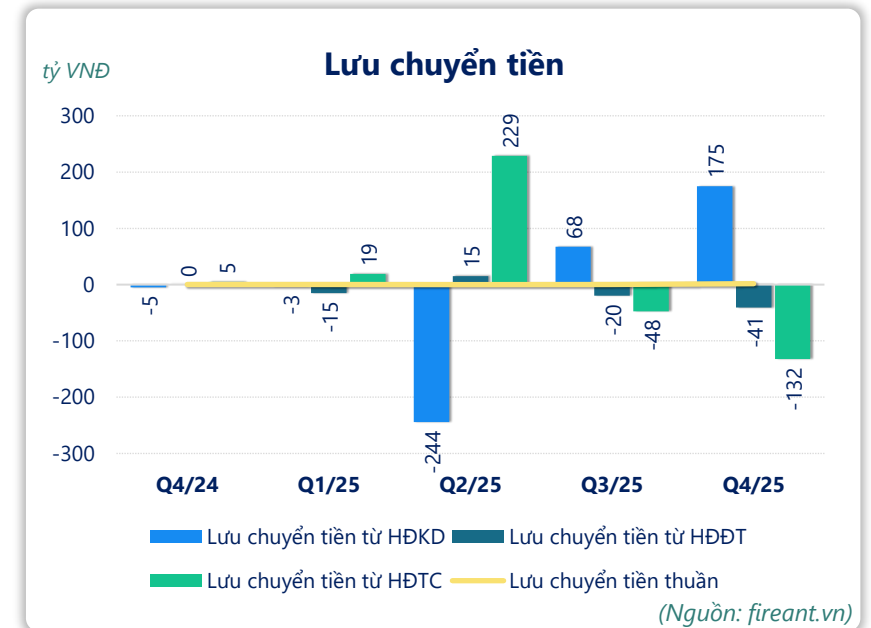
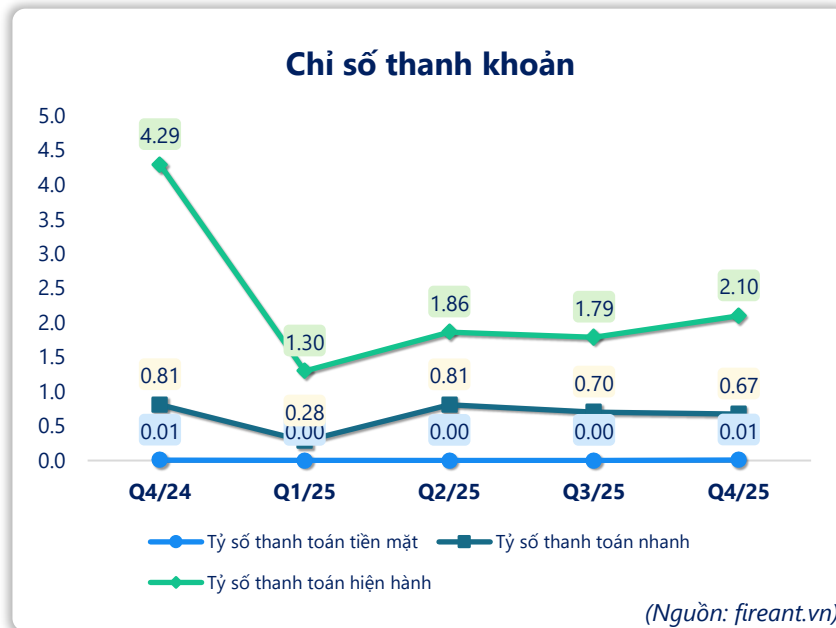
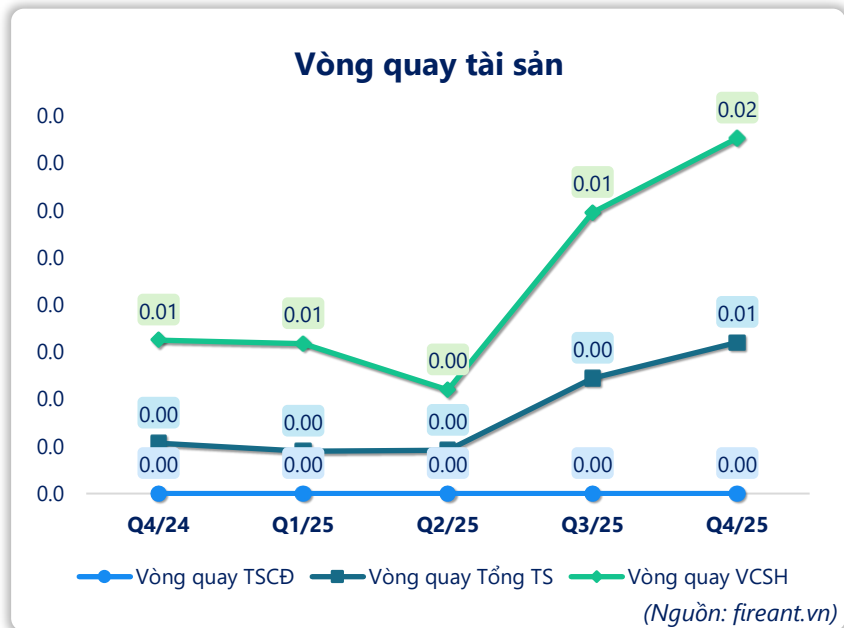
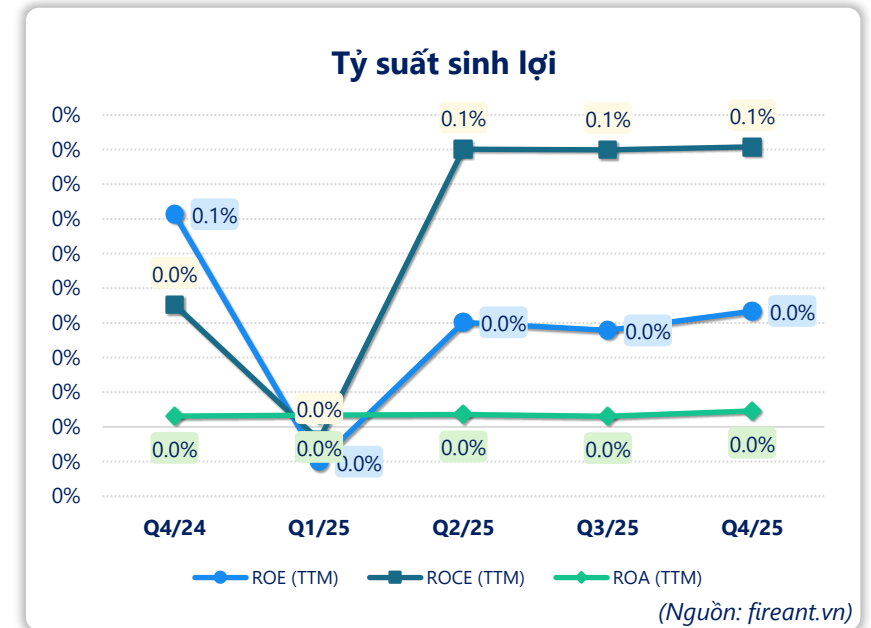
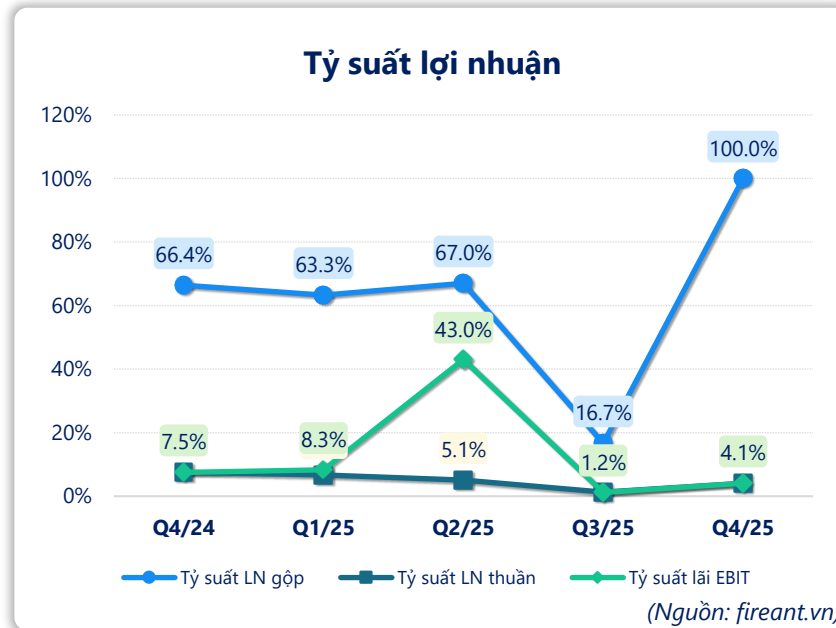
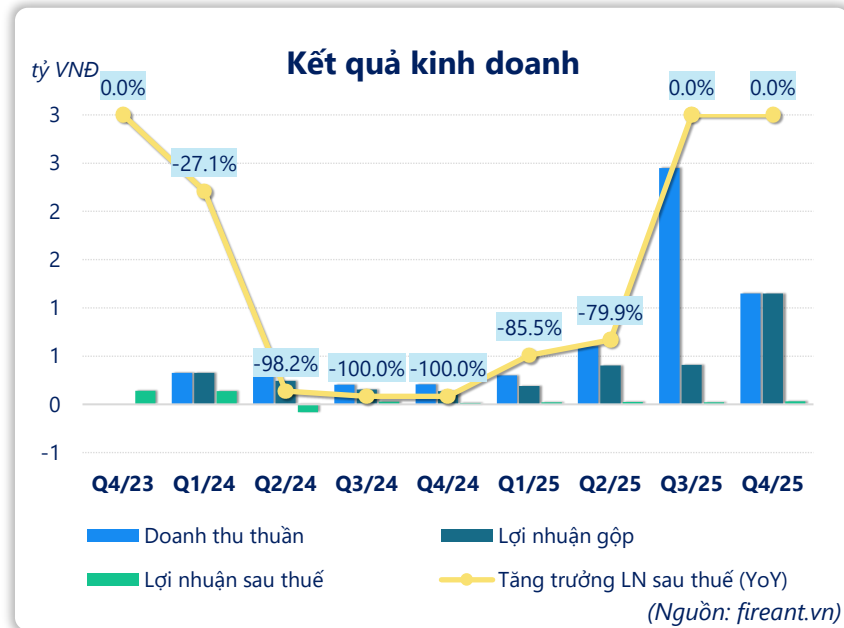
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	903	556	62.3%
Tài sản ngắn hạn	842	556	51.3%
Tiền và tương đương tiền	2.81	0.61	359%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	252	84.9	197%
Hàng tồn kho	571	462	23.8%
Tài sản ngắn hạn khác	15.9	9.28	71.1%
Tài sản dài hạn	60.8	0	
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	60.8	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	469	392	19.6%
Nợ ngắn hạn	402	392	2.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.00	275	-98.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	68.9	0.78	8728%
Nợ dài hạn	67.7	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	67.7	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	434	164	164%
Vốn chủ sở hữu	434	164	164%
Vốn điều lệ	426	156	173%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	0.21	0.30	0.60	2.45	1.15
Giá vốn hàng bán	0.07	0.11	0.20	2.04	0
Lợi nhuận gộp	0.14	0.19	0.40	0.41	1.15
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0.23	0	0.23
Chi phí lãi vay	0	0	0.23	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.12	0.17	0.14	0.38	0.88
LN thuần từ HĐKD	0.02	0.02	0.03	0.03	0.05
Lợi nhuận khác	0	0.00	0.00	0.00	0
LN trước thuế	0.02	0.02	0.03	0.03	0.05
Lợi nhuận sau thuế	0.02	0.02	0.03	0.02	0.03
LNST của CĐ cty mẹ	0.02	0.02	0.03	0.02	0.03

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.72	-3.17	-244	67.5	175
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	-15.3	15.3	-19.9	-40.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.00	18.9	229	-47.5	-132
Tiền đầu kỳ	0.28	0.61	1.07	1.08	1.20
Lưu chuyển tiền thuần	0.33	0.45	0.01	0.13	1.66
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.61	1.07	1.08	1.20	2.86

(Nguồn: fireant.vn)